

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TÂM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của cơ sở: KHÁCH SẠN GOLDEN**

ĐÔNG HÀ, NĂM 2024

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở
KHÁCH SẠN GOLDEN

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH TMDV TÂM TÂM
GIÁM ĐỐC**



Đặng Thị Lan

ĐÔNG HÀ, NĂM 2024

MỤC LỤC

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT | 3 |
| CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ | 1 |
| 1.1. Tên chủ cơ sở: | 1 |
| 1.2. Tên cơ sở: | 1 |
| 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: | 2 |
| 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở..... | 2 |
| 1.3.2. Công nghệ sản xuất, sản phẩm của cơ sở..... | 2 |
| 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:..... | 2 |
| 1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu..... | 2 |
| 1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước..... | 3 |
| 1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: | 4 |
| CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG | 6 |
| 2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: | 6 |
| 2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường..... | 6 |
| CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... | 7 |
| 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải..... | 7 |
| 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa | 7 |
| 3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải..... | 8 |
| 3.1.3. Xử lý nước thải..... | 9 |
| 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải..... | 10 |
| 3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường..... | 11 |
| 3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại | 11 |
| 3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Đối với loại hình Cơ sở hầu như không phát sinh tiếng ồn, độ rung nào đáng kể. | 12 |
| 3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: | 12 |
| 3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không. | 13 |
| 3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: | 13 |
| CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG | 14 |

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải | 14 |
| 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: | 15 |
| 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung | 15 |
| CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ | 16 |
| 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải | 16 |
| 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: không | 16 |
| CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ | 17 |
| 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở | 17 |
| <i>6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:</i> | <i>17</i> |
| <i>6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:</i> | <i>17</i> |
| 6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật. | 18 |
| <i>6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:</i> | <i>18</i> |
| <i>6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở: không</i> | <i>18</i> |
| 6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm: khoảng 5 triệu đồng. | 18 |
| CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ | 18 |
| CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ | 19 |
| PHỤ LỤC BÁO CÁO | 20 |

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

| TT | VIẾT TẮT | DIỄN GIẢI |
|----|----------|--------------------------|
| 1 | BTNMT | Bộ Tài nguyên Môi trường |
| 2 | BVMT | Bảo vệ môi trường |
| 3 | BYT | Bộ y tế |
| 4 | CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| 5 | CTNH | Chất thải nguy hại |
| 6 | CTR | Chất thải rắn |
| 7 | ĐVT | Đơn vị tính |
| 8 | GPMT | Giấy phép môi trường |
| 9 | HTXL | Hệ thống xử lý |
| 10 | PGS.TS | Phó giáo sư, tiến sĩ |
| 11 | QCVN | Quy chuẩn Việt Nam |
| 12 | QĐ | Quyết định |
| 13 | TCVN | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| 14 | XLNT | Xử lý nước thải |
| 15 | UBND | UBND |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực Cơ sở | 1 |
| Bảng 1.2. Danh mục các loại hóa chất sử dụng | 2 |
| Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở | 3 |
| Bảng 3.1. Thống kê các chất thải nguy hại | 11 |
| Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm | 14 |
| Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải | 16 |

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tâm Tâm

- Địa chỉ văn phòng: 24 Tôn Thất Thuyết, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở: bà Đặng Thị Lan – Chức vụ:
Giám đốc

- Điện thoại: 0915.426.689.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 3200271348, Đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 08/11/2017.

1.2. Tên cơ sở: Khách sạn Golden.

- Địa điểm cơ sở: Vị trí của khách sạn thuộc thửa đất số 300, tờ bản đồ số 24, diện tích khu đất xây dựng là 491 m², nằm trên trục đường Lê Duẩn, khu phố 1B, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực Cơ sở

| Điểm góc | Hệ VN 2000, KTT 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰ | |
|----------|----------------------------------------------------------------|------------|
| | X (m) | Y (m) |
| 1 | 1.859.994,07 | 591.499,44 |
| 2 | 1.860.013,09 | 591.517,84 |
| 3 | 1.860.000,46 | 591.528,66 |
| 4 | 1.859.998,10 | 591.530,73 |
| 5 | 1.859.996,51 | 591.529,20 |
| 6 | 1.859.987,19 | 591.519,87 |
| 7 | 1.859.982,77 | 591.514,78 |
| 8 | 1.859.994,07 | 591.513,41 |
| 1 | 1.859.994,07 | 591.499,44 |

+ Phía Bắc: giáp đất ông Hòa (Nhà 293).

+ Phía Đông: giáp đất mộ và đất ông Hiền.

+ Phía Nam giáp đất ông Tú (Nhà 299).

+ Phía Tây: Giáp đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A);

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1720/GXN-UBND ngày 18/9/2019 của UBND TP Đông Hà về việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Cải tạo, nâng cấp Khách sạn Golden”.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở là công trình dân dụng có tổng mức đầu tư là: 30.000.000.000 đồng, thuộc nhóm C.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất phục vụ của Khách sạn với lượng khách tối đa như sau:

+ Khách thuê phòng ngủ: 100 người.

+ Khách nhà hàng: 50 người.

+ Khu hội trường: 80 người.

Như vậy, tổng lượng khách có mặt đạt 100% công suất là 230 người, lượng khách có mặt trung bình khoảng 120 người/ngày đêm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất, sản phẩm của cơ sở

Loại hình sản xuất, kinh doanh của Cơ sở về dịch vụ khách sạn, hội nghị,... Các chất thải và tác động môi trường chủ yếu phát sinh từ quá trình sinh hoạt, lưu trú, giải trí, làm việc của con người.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

- Cơ sở thuộc loại hình kinh doanh nhà hàng, khách sạn, .. Do đó, nhu cầu nguyên vật liệu chủ yếu gồm thực phẩm, đồ uống, nước, vật tư phục vụ sinh hoạt, ...

- Nhu cầu sử dụng các loại nước vệ sinh, chất tẩy rửa: Các hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động của Cơ sở được nhập từ Công ty TNHH Chrisal Việt Nam (trực thuộc tập đoàn Chrisal Bỉ) là một công ty cung cấp các sản phẩm làm sạch bằng lợi khuẩn probiotics thân thiện với môi trường được nhập khẩu tại Bỉ. Hiện có đại lý phân phối độc quyền tại thành phố Đà Nẵng. Bao gồm các loại như sau:

Bảng 1.2. Danh mục các loại hóa chất sử dụng

| TT | Tên sản phẩm, công dụng | Đóng gói | Pha loãng với nước |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|
| 1 | PiP FC - Nước lau sàn | 250mL; 1L; 5-20L | 100-200L |
| 2 | PiP IC – Lau rửa đồ nội thất | 250mL; 1L; 5-20L | 100L |
| 3 | Enzyme Cleaner Liquid - nước tẩy rửa, rửa chén bát, bếp ga, bếp từ | 250mL | 2%-5% |

| TT | Tên sản phẩm, công dụng | Đóng gói | Pha loãng với nước |
|----|--------------------------------------------------------|------------------|--------------------|
| 4 | PiP SC – Lau rửa nhà vệ sinh, nhà tắm | 250mL; 1L; 5-20L | 40L |
| 5 | PiP DC – Nước rửa chén, bát | 250mL; 1L; 5-20L | 80-100L |
| 6 | PiP GT – Tẩy mỡ | 250mL; 1L; 5-20L | 50L |
| 7 | PiP HSS Probiotic khử mùi ẩm mốc, thuốc lá, mùi hữu cơ | 250mL; 1L; 5-20L | 50-2000L |

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện lưới có sẵn của Thành phố, ngoài ra, Khách sạn bố trí thêm 01 máy phát điện để ở tầng hầm để sử dụng khi mất điện lưới.

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy của Thành phố, hợp đồng và trả theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

+ Nhu cầu sử dụng nước:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

| TT | Thành phần dùng nước | Quy mô dùng nước | | |
|------------|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| | | Quy mô (người) | Tiêu chuẩn | Nhu cầu (m ³ /ng.đ) |
| I | Dùng cho sinh hoạt | | | 20,14 |
| 1 | Khách nghỉ lưu trú tại khách sạn | 100 người | 150 lít/người/ng.đ | 15 |
| 2 | Khu nhà hàng ăn | 50 người | 50 lít/người/ng.đ | 2,5 |
| 3 | Khu hội trường | 80 người | 15 lít/người/ng.đ | 1,2 |
| 4 | Nhân viên phục vụ | 18 người | 80 lít/người/ng.đ | 1,44 |
| II | Nước dự phòng, rò rỉ | 10% (I) | | 2,5 |
| III | Tưới cây, tưới đường | 300 m² | 1 lít/m²/ng.đ | ~0,3 |

* Nước cấp cho chữa cháy được tính toán theo TCVN 2622:1995 đối với nhà từ 3 tầng trở lên và số dân nhỏ hơn 5.000 người.

+ Lưu lượng nước cho 1 đám cháy là 10 L/s.

+ Lượng nước dự trữ cứu hoả phải đảm bảo chữa cháy liên tục trong vòng 3 giờ.

+ Số đám cháy xảy ra đồng thời $n = 1 \Rightarrow Q_{cc} = 10 \text{ L/s} * 3600 * 3 \text{ giờ} = 108 \text{ (m}^3\text{)}$.

Bể nước chữa cháy được Khách sạn bố trí các Tạc Inox đặt ở tầng hầm thẩm duyệt của Công an PCCC và CNCH của tỉnh.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

a. Quy mô các hạng mục:

Khách sạn Golden xây dựng theo tiêu chuẩn 3 sao với quy mô 07 tầng + 01 tầng hầm và sân thượng; Bố trí chức năng các tầng như sau:

- + Tầng hầm: Khu vực đỗ xe và khu kỹ thuật
 - + Tầng 1: Khu sảnh tiếp tân, văn phòng quản lý và nhà hàng;
 - + Tầng 2 – tầng 6: Phòng ngủ (50 phòng ngủ).
 - + Tầng 7: Bếp và phòng hội trường;
 - + Tầng thượng: Khu giặt là, sân phơi và bồn nước,....
- Công trình cấp II, nhóm B, độ bền vững công trình từ 50-100 năm, chịu lửa bậc II, chịu động đất đến 5,5 độ Richter.

Chi tiết như sau:

*** Các hạng mục công trình chính**

- **Tầng hầm:** Diện tích 400,38 m² bao gồm: Gara, thang bộ, thang máy, bể tự hoại, bể xử lý nước thải, máy phát điện, phòng máy bơm, kho, phòng bảo vệ.

- **Tầng 1:** Diện tích 475 m² bao gồm: Reception, sảnh, thang bộ, thang máy, khu vệ sinh, kho thanh lý, phòng server, văn phòng tiền sảnh, quầy Buffet.

- **Tầng 2:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, dàn nóng, kho, 10 phòng ngủ.

- **Tầng 3:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, dàn nóng, kho, 10 phòng ngủ.

- **Tầng 4:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, dàn nóng, kho, 10 phòng ngủ

- **Tầng 5:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, dàn nóng, kho, 10 phòng ngủ.

- **Tầng 6:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, dàn nóng, kho, 10 phòng ngủ.

- **Tầng 7:** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, bếp, kho, nhà vệ sinh, phòng hội nghị.

- **Tầng mái (Sân thượng):** Diện tích 498 m² bao gồm: Thang bộ, thang máy, khu giặt là, sân phơi, bồn nước.

*** Các hạng mục công trình phụ trợ**

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện lưới có sẵn của Thành phố, ngoài ra, Khách sạn bố trí thêm 01 máy phát điện để ở tầng hầm để sử dụng khi mất điện lưới.

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy của Thành phố, hợp đồng và trả theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

- Giao thông, bãi đỗ xe: Cơ sở nằm mặt tiền đường Lê Duẩn nên giao thông chính là đường Lê Duẩn, phương tiện ra vào Khách sạn được hướng dẫn và dễ xuống tầng hầm.

b. Hình thức quản lý:

- Chủ cơ sở trực tiếp quản lý.

- Số lượng nhân viên của Khách sạn là 18 người, bao gồm bộ phận nhân sự quản lý và các tổ nhóm phục vụ.

c. Thời gian hoạt động của Khách sạn: bắt đầu từ năm 2015, năm 2019 cải tạo nâng cấp và hoạt động cho đến nay.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Khách sạn phù hợp với các quy hoạch sau đây:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch tỉnh: Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các Văn bản liên quan đến Cơ sở:

+ Cơ sở đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất (xây dựng khách sạn 07 tầng) cấp ngày 10/11/2015;

+ Cơ sở được Tổng cục Du lịch cấp Quyết định số 773/QĐ-TCDL ngày 28/10/2016 về việc công nhận hạng cơ sở du lịch.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải của Khách sạn sẽ được xử lý đạt quy chuẩn và xả thải theo tuyến thoát nước trên trục đường Lê Duẩn. Nước thải sau đó được đưa về trạm xử lý nước thải chung của Thành phố đặt tại Phường 2.

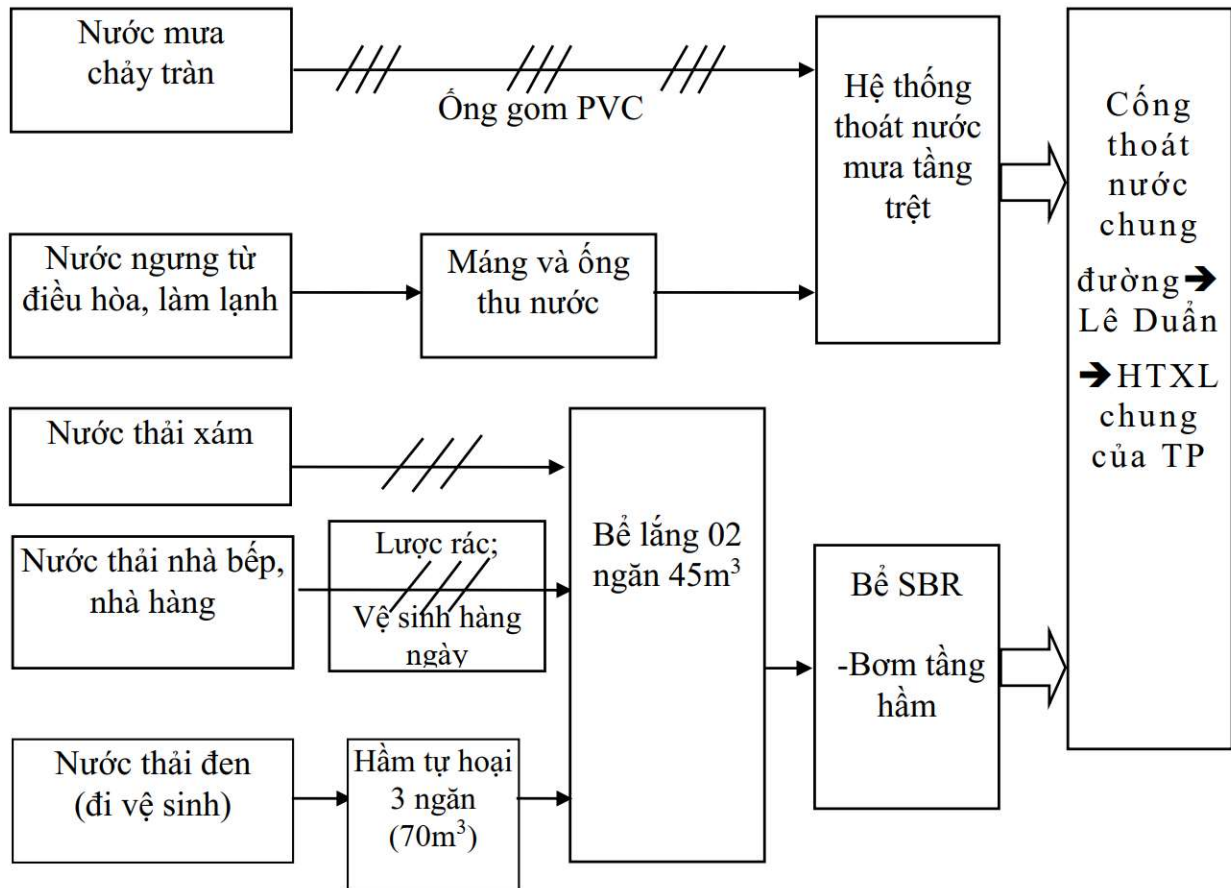
Hiện nay, cơ quan chức năng tỉnh Quảng Trị chưa công bố sức chịu tải của các khe suối sông trong lưu vực nên Chủ Cơ sở chưa có căn cứ để đánh giá. Tuy nhiên, theo báo cáo hiện trạng môi trường và kết quả quan trắc tỉnh Quảng Trị những năm trở lại đây cho thấy: các thành phần môi trường trên địa bàn Tỉnh nói chung và TP Đông Hà nói riêng cơ bản vẫn đảm bảo tốt, chỉ xuất hiện ô nhiễm cục bộ một số thời điểm và địa điểm. Nhìn chung, loại hình kinh doanh khách sạn là loại hình ít phát sinh nguồn thải nên môi trường xung quanh cơ bản vẫn đáp ứng được sức chịu tải.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước của Khách sạn như sau:



3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Khách sạn đã được xây dựng hết diện tích sàn nên nước mưa đổ hoàn toàn vào tầng mái, hiện nay Chủ Cơ sở đã bố trí ống gom tầng mái và đổ xuống mặt đất bằng các ống PVC, sau đó đổ chung vào mương thoát nước trước đường Lê Duẩn, như vậy nước mưa chảy tràn đã được thu gom và xử lý triệt để. Cụ thể:

- Nước mưa từ mái công trình được dẫn vào các sênô thu nước, qua lưới chắn rác tại các phễu thu và theo ống thoát nước mưa đến hố ga, thoát ra hệ thống thoát nước chung (đường Lê Duẩn).

- Đối với tầng hầm: Nước mưa chảy vào tầng hầm chỉ phát sinh khi có mưa rất lớn. Chủ Cơ sở đã đặt mương thu nước có nắp đan tại đường dốc xuống tầng hầm. Mương ở đầu đường dốc dẫn ra hố ga trên đường. Mương tại cuối đường dốc (gom

nước mưa tràn, hắt vào đường hầm khi có mưa lớn) kết hợp với rãnh thoát nước mặt xung quanh hầm, được dẫn vào bể chứa nước rồi bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Bơm thoát nước hoạt động tự động khi mực nước dâng lên. Hệ thống bao gồm 2 máy bơm, trong đó 1 máy dự phòng.

- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ theo *TCXDVN 33:2006*: đường kính công của mạng lưới thoát nước D600, độ dốc 1%, hố ga có đường kính $D \leq 1.000$.

- Nước ngưng tụ từ hệ thống điều hòa, tản nhiệt cũng được thoát theo tuyến này.

Ngoài ra, quá trình hoạt động Chủ Cơ sở thường xuyên thu gom, nạo vét hệ thống thoát nước mưa; Vệ sinh, thu gom chất thải trên bề mặt khu vực sân, đường nội bộ thường xuyên tránh nước mưa cuốn trôi các chất gây tắc nghẽn hệ thống.

(Mặt bằng tổng thể thoát nước và chi tiết mương, hố gom kèm theo ở phụ lục)

3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải

- Thu gom nước thải sinh hoạt: Theo tính toán, nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở là 16,11 m³/ngày đêm.

Các loại nước thải cần thu gom, xử lý bao gồm nước thải từ sinh hoạt (tắm giặt, rửa,...), nhà bếp, nhà hàng, nước thải vệ sinh. Thành phần các loại nước thải này chứa nhiều dầu mỡ, chất tẩy rửa, cặn hữu cơ và vi sinh vật, đặc biệt là vi sinh vật đường ruột trong nước thải đi vệ sinh. Cách thức thu gom như sau:

+ Nước thải từ nhà hàng, nhà bếp, bồn rửa, bệ rửa, phòng tắm, ... sau khi qua các tấm lược rác được thu gom vào các tuyến ống ngang và ống đứng.

+ Nước thải đen (nước thải đi vệ sinh) được dẫn theo đường ống riêng biệt xuống bể tự hoại 3 ngăn.

+ Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn và nước thải xám được dẫn về bể lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý.

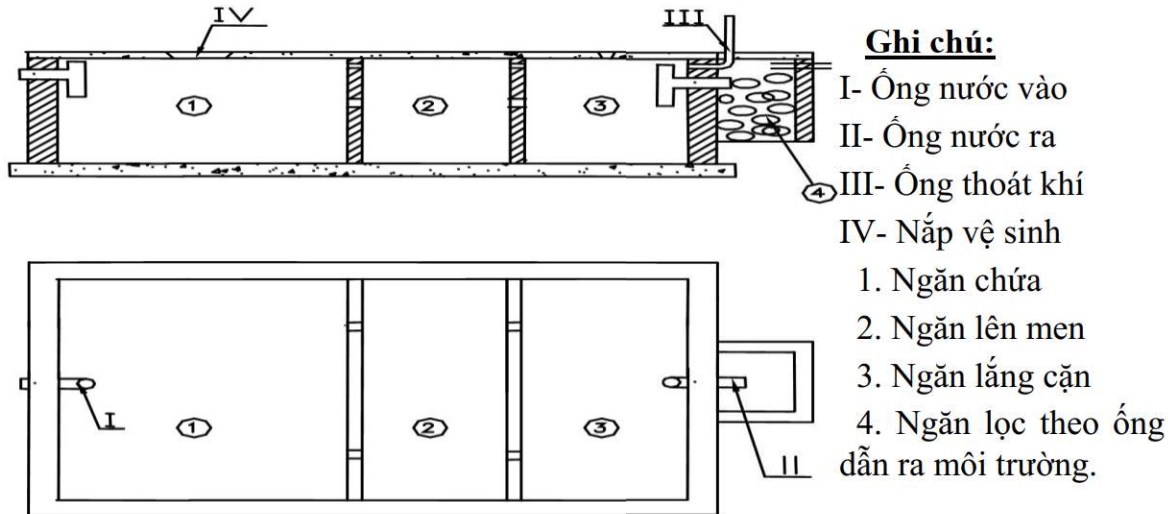
Độ dốc đường ống từ các thiết bị sử dụng nước ra hệ thống ống đứng (nhựa PVC) có độ dốc đảm bảo tự làm sạch. Nước thải đen sau khi được xử lý bước một ở bể tự hoại cùng với nước thải thông thường được dẫn theo hệ thống mương thoát (D=150, i=1%, hố ga) về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý được bơm lên công thoát chung trên tuyến đường Lê Duẩn.

(Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải kèm theo ở phần phụ lục)

3.1.3. Xử lý nước thải

* Nước thải vệ sinh (nước thải đen): được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn tổng thể tích 70m³. Bể tự hoại 3 ngăn có chức năng lắng và phân hủy cặn, tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn có thiết kế phù hợp để xử lý nước thải đen trước khi đi vào hệ thống xử lý chung. Sơ đồ bể tự hoại như sau:



Tính toán kích thước của bể tự hoại:

- Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại theo tài liệu “Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - TS. Trần Đức Hạ - NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2002” như sau:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức: $W = W_n + W_c$

- Trong đó:

+ W_n : Thể tích phần nước của bể (m³);
+ W_c : Thể tích phần phân hủy cặn của bể (m³);
+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh. Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 32,22 \text{ m}^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau :

$$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1000] \text{ (m}^3\text{)}.$$

- Trong đó:

+ a : Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5÷0,8 L/người.ngày).
+ T : Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365$ ngày.
+ $W_1 = 95\%$: độ ẩm của cặn tươi; $W_2 = 90\%$: độ ẩm của cặn khi lên men.
+ b : Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.
+ c : Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.
+ N : Số người mà bể phục vụ (230 người, tính cho công suất lớn nhất).

$$\Rightarrow Wc = [0,8 \times 365 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times 230] / [(100-90) \times 1000] = 28,2 \text{ m}^3.$$

$$\Rightarrow Qb = 32,22 + 28,2 = 60,42 \text{ m}^3.$$

Như vậy, hiện tại Khách sạn đã xây dựng bể tự hoại kích thước 70m³ là đảm bảo cho xử lý giai đoạn tiếp theo.

* **Bể lắng 02 ngăn:** Hiện tại, Khách sạn đã có bể xử lý 02 ngăn kích thước 45 m³ (xử lý chung nước thải đen sau bể tự hoại, nước thải xám và nước thải nhà bếp), nước thải sau đó được bơm dẫn qua bể SBR để tiếp tục quá trình xử lý.

* **Bể SBR:** Kích thước DxRxH = 3*1,5x2,3m, chất liệu thép phủ Epoxy. Tại bể SBR bố trí hệ máy thổi khí, 06 giàn đĩa phân phối khí dạng màng, nuôi vi sinh bùn hoạt tính, để xử lý chất ô nhiễm trong nước thải theo mẻ (bùn hoạt tính theo mẻ), nước thải sau đó được bơm xả ra cống trên đường Lê Duẩn.

Định kỳ nạo vét bùn cặn trong các bể, bùn cặn xử lý như CTR thông thường. Ngoài ra, hàng năm, khi các bể tự hoại và bể lắng có dấu hiệu đầy, tắc nghẽn, Chủ Cơ sở hợp đồng với Công ty CP môi trường và CTĐT TP.Đông Hà hút đi xử lý.

(Hồ sơ hệ thống xử lý nước thải kèm theo ở phần phụ lục)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Không chế ô nhiễm do phương tiện giao thông

Trước hết, các phương tiện giao thông vận tải khi lưu thông phải đạt các tiêu chuẩn khí thải theo quy định.

- Xe của Khách sạn sẽ được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng xe theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải đạt yêu cầu về kỹ thuật và môi trường.

- Bố trí thông gió tầng hầm (theo thiết kế) và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời đảm bảo thông gió tốt nhất cho tầng hầm.

b. Không chế lượng khí thải từ các hệ thống làm lạnh

Biện pháp quan trọng nhất là thiết kế và lắp đặt hệ thống làm lạnh phù hợp, tiết kiệm. Sử dụng các thiết bị làm lạnh được sản xuất đạt tiêu chuẩn và phù hợp công suất. Không sử dụng các hệ thống làm lạnh cũ, sử dụng các hệ thống lạnh hiện đại, tiết kiệm điện và dễ thay thế. Không sử dụng hệ thống lạnh có CFC, hướng tới sử dụng các môi chất HFC407C, HFC134A và HFC410A thân thiện với môi trường hơn.

c. Không chế mùi hôi

Để giảm thiểu mùi hôi từ khu vực nhà bếp nấu nướng phục vụ du khách, Chủ cơ sở đã lắp đặt các thiết bị hút xử lý mùi trước khi thải ra môi trường. Mùi phát sinh trong quá trình nấu thức ăn được thu vào chụp hút bởi một quạt hút, xử lý thông qua lớp than hoạt tính trong máng hút trước khi thải ra môi trường. Hiệu quả xử lý đảm bảo làm thông thoáng >90% không gian bếp. Các ống thải được bố trí ở cuối hướng

gió nên đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

Đối với mùi hôi do chất thải rắn, chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại và lưu trữ trước khi Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom và đem đi xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Tất cả các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các phòng ở, hội nghị,... được thu gom để đưa xuống tầng hầm. Để quản lý tốt chất thải rắn nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường đồng thời thể hiện một khu khách sạn sang trọng, cao cấp, văn minh, xanh sạch đẹp. Lượng chất thải này được thu gom và đưa đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn của từng phân khu chức năng. Các biện pháp thu gom và quản lý cụ thể như sau:

+ Bố trí các thùng chứa rác tại các vị trí thích hợp (dọc theo lối đi, trong khuôn viên, hội trường, nhà ở, khu dịch vụ...). Cụ thể: trong mỗi phòng (50 phòng) bố trí 50 sọt đựng rác nhỏ, tại mỗi tầng và các khu dịch vụ bố trí 01 thùng đựng rác loại 60 L, hàng ngày nhân viên thu dọn vệ sinh sẽ gom rác ở các phòng tập trung ở thùng rác loại 60 L và đưa xuống tầng hầm. Tại tầng hầm bố trí 03 thùng đựng rác lớn loại 240 L để chứa rác trước khi đơn vị đến thu gom. Như vậy cần khoảng 50 sọt đựng rác nhỏ, 08 thùng đựng rác loại 60L và 03 thùng đựng rác loại 240 L

+ Nhắc nhở khách bỏ rác đúng nơi qui định.

+ Giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho CBCNV.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Các CTNH và lượng phát sinh tại Cơ sở như sau:

Bảng 3.1. Thống kê các chất thải nguy hại

| TT | Tên chất thải | Trạng thái | Mã CTNH | Khối lượng/năm (kg) |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|----------------------------|
| 1 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, bao bì, giẻ lau, vải chứa thành phần nguy hại (dầu mỡ) | Rắn | 18 02 01 | 2 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang vỡ | Rắn | 16 01 06 | 0,5 |
| | Tổng | | | 2,5 |

Biện pháp thu gom lưu giữ như sau:

- Bố trí 02 thùng chứa chuyên dụng loại 60L có nắp đậy và lưu chứa tại kho CTNH;

- Dán nhãn mã số ở kho, thùng chứa CTNH;

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại khi đủ khối lượng (như Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama Quảng Ngãi).

- Định kỳ 01 lần/năm báo cáo tình hình phát sinh CTNH tích hợp trong báo cáo công tác BVMT hàng năm theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Đối với loại hình Cơ sở hầu như không phát sinh tiếng ồn, độ rung nào đáng kể.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố do cháy, nổ:

Khách sạn phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp sau:

- Hệ thống PCCC của Khách sạn sẽ được thiết kế chi tiết theo quy định và trình cơ quan chuyên môn là phòng Cảnh sát PCCC Tỉnh thẩm duyệt trước khi thi công. Phương án PCCC của Dự án đã được Công an tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 437/TD-PCCC ngày 07/1/2014.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và chữa cháy theo qui định.

- Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Đặt các bảng nội quy về cấm sử dụng các vật liệu dễ cháy trong các khu vực dễ phát sinh cháy nổ.

Ngoài ra, tại các khu vực khác của Cơ sở đã được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng. Bố trí mặt bằng phù hợp với yêu cầu PCCC. Đề ra các phương án PCCC, tổ chức huấn luyện phổ biến công tác PCCC và có kiểm tra định kỳ.

- Trong phương án thiết kế, do đây là công trình cao tầng nên Chủ Cơ sở đã quan tâm đến hệ thống chống sét. Quá trình thi công đã lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ khu nhà và tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn cháy nổ do sét đánh.

(Áp dụng theo các tiêu chuẩn hiện hành như: TCN 68-174/1998 tiêu chuẩn chống sét của Tổng cục Bưu điện; 20 TCN 46-84 tiêu chuẩn chống sét của Bộ Xây dựng; TCXDVN 46:2007 – Tiêu chuẩn chống sét cho công trình xây dựng Việt Nam; NF C17-102/1995 – Tiêu chuẩn chống sét an toàn Quốc gia Pháp).

3.6.2. Giảm thiểu sự cố về vệ sinh, an toàn lao động

a. Vệ sinh môi trường

- Thành lập đội vệ sinh môi trường chuyên đảm nhận về vệ sinh môi trường trong khuôn viên;
- Thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong Khách sạn luôn được sạch sẽ và thoáng mát.
- Tập huấn, giáo dục cho cán bộ công nhân viên về vệ sinh môi trường.
- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác vệ sinh môi trường và công tác xử lý môi trường tại khu vực.
- Tuân thủ Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ngày 29/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch.

b. An toàn thực phẩm

Thực hiện các biện pháp vệ sinh chủ yếu để phòng nhiễm bẩn thực phẩm như: Vệ sinh môi trường, vệ sinh nguyên liệu và nguồn nước sạch, vệ sinh dụng cụ và chế biến như dao, thớt, đũa, thìa đã tiếp xúc với thực phẩm sống không để tiếp xúc với thực phẩm chín cho ăn trực tiếp. Vệ sinh dụng cụ ăn uống, kiểm soát quá trình chế biến, khám sức khoẻ định kỳ nhằm loại trừ các bệnh lây lan như ghẻ, lở,...

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

So với Giấy xác nhận số 1720/GXN-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố Đông Hà về việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Cải tạo, nâng cấp Khách sạn Golden”, Chủ Cơ sở chỉ có thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải như sau:

Thay thế thiết bị tách mỡ nhà bếp bằng bể lắng gạn, thiết bị lược rác kết hợp máy vệ sinh, hút CTR, dầu mỡ thải hàng ngày.

Bổ sung hạng mục bể SBR tại hệ thống xử lý nhằm tăng cường hiệu quả xử lý nước thải. Còn lại hầu như không có thay đổi nào đáng kể.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của 18 CBCNV và khách hàng vào lưu trú, sử dụng dịch vụ tại khách sạn.

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 16,11m³/ngày đêm, tương đương 0,67 m³/giờ.

c. Dòng nước thải: Nước thải đen (sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn) cùng với nước thải xám sẽ được thu gom dẫn qua bể lắng, lọc 02 ngăn, nước thải tiếp tục xử lý tại bể SBR sau đó được bơm lên cống trên đường Lê Duẩn.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải – theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B (trong đó $C_{\max} = C \times K$ với $K=1,2$).

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT |
|----|-------------------------------------|------------|-----------------------|
| | | | Cột B, K=1,2 |
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 |
| 2 | BOD ₅ (20 °C) | mg/l | 50 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 |
| 4 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1.000 |
| 5 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4 |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 |
| 7 | Nitrat (tính theo N) | mg/l | 50 |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 20 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 |
| 10 | Phosphat (tính theo P) | mg/l | 10 |
| 11 | Tổng Coliform | MPN/100 ml | 5.000 |

* Ghi chú:

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người;

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả thải nằm ở phía Tây Cơ sở, có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiếu 3°): X: 1.859.970m; Y: 591520m.

+ Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức (02 ngày/lần).

+ Nguồn tiếp nhận: công thoát trên đường Lê Duẩn.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo báo cáo công tác BVMT năm 2023 của Cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Kết quả | | QCVN 14:2008/BTNMT |
|----|-----------------------------|------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | | | Đợt 1 (12/6/2023) | Đợt 2 (6/11/2023) | Cột B, K=1,2 |
| 1 | pH | - | 6,57 | 6,69 | 5,5 - 9 |
| 2 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 61 | 73 | 120 |
| 3 | BOD ₅ (20 °C) | mg/l | 44 | 41 | 60 |
| 4 | COD | | 90 | 85 | - |
| 5 | Tổng N | mg/l | 50,2 | 40,8 | - |
| 6 | Tổng P | mg/l | 4,38 | 5,62 | - |
| 7 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 3,65 | 5,54 | 24 |
| 8 | Tổng Coliform | MPN/100 ml | 4.700 | 3.900 | 5.000 |

Nhận xét: Thời điểm quan trắc năm 2023, các chỉ tiêu chất lượng nước thải đều đảm bảo Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: không

CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Đối với Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- Thời gian vận hành thử nghiệm: Chủ Cơ sở gửi thông báo tới Cơ quan cấp phép trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm tối đa 03 ngày liên tục.
- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Áp dụng theo quy định tại khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch vận hành thử nghiệm của Cơ sở như sau:

** Đối với nước thải sinh hoạt:*

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu: 04 mẫu đơn, cụ thể như sau:
 - + Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào bể lắng 2 ngăn), 03 mẫu đầu ra hệ thống xử lý chung (sau bể SBR của Hệ thống xử lý).
- Thông số quan trắc: lưu lượng/vận tốc, pH, BOD₅ (20 °C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N) Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật; Tổng Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – QCKTQG về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2).
- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị hoặc các đơn vị có năng lực theo quy định khác đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ Cơ sở.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: Cơ sở có lưu lượng thải tối đa 16,11 m³/ngày đêm (< 200 m³/ngày đêm) nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: không

6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở: không

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm: khoảng 5 triệu đồng.

CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Cơ sở.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, Chủ Cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 02/2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT;

+ QCVN 08:2023/BTNMT – QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2).

- Chủ Cơ sở cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của Khách sạn làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Mặt bằng tổng thể, mặt bằng thoát nước;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở; một số văn bản pháp lý liên quan khác.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Công ty Trách nhiệm hữu hạn
Tương mại Dịch vụ Tâm Tâm**

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 3200271348
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/01/2015

Địa chỉ trụ sở chính: Số 24 - Tôn Thất Thuyết, phường 5,
thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

"Sở hữu tài sản trên thửa đất
của Ông Võ Văn Liêm và bà Đặng Thị Lan"

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|------------------------------------|------------------------------------|
| | |



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

BR 700658

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. **Thừa đất:**
 a) Thừa đất số: 300, Tờ bản đồ số: 24
 b) Địa chỉ: Khu phố 1B, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
 c) Diện tích: 491,0 m² (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi một mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: + Riêng: 491,0 m² + Chung: không
 e) Mục đích sử dụng: + Đất ở tại đô thị: 16,0 m²
 + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 475,0 m²
 f) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác: Khách sạn GOLDEN

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất | Hiện trạng số hữu | Cấp công trình | Thời hạn số hữu |
|---------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|----------------|-----------------|
| Khách sạn 7 tầng | 475,8 | 3.330,6 | Số hữu riêng | III | -/- |

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

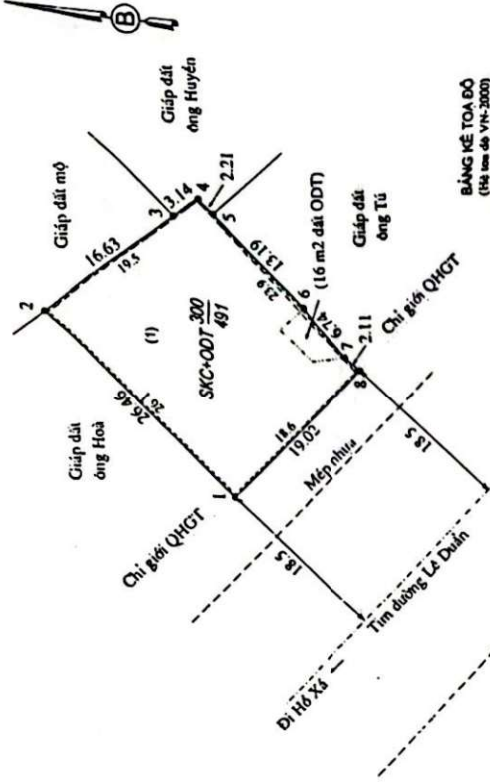
6. Gai chấu:

Quảng Trị, ngày 10 tháng 11 năm 2015
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
 TUYÊN CHỨC TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG KÊ TOA ĐỘ
(Hệ tọa độ VN-2000)

| Số thửa đất | X (m) | Y (m) | S (m) |
|-------------|-----------|-----------|-------|
| 1 | 185994,07 | 591499,44 | 26,46 |
| 2 | 186003,09 | 591517,84 | 16,63 |
| 3 | 186000,46 | 591528,66 | 3,14 |
| 4 | 185998,10 | 591530,73 | 2,21 |
| 5 | 185996,51 | 591529,20 | 13,19 |
| 6 | 185997,19 | 591519,87 | 6,74 |
| 7 | 185998,27 | 591514,78 | 2,11 |
| 8 | 185998,16 | 591513,41 | 19,02 |
| 9 | 185994,07 | 591499,44 | |

CHU ĐÁM
 Ranh giới thửa đất hiện có
 Ranh giới thửa đất cấp giấy
 Ranh giới xây dựng
 (1) Khách sạn 7 tầng

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐÔNG HÀ
CHUNG THỰC HÀNH SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 1.350. Quyển số: 9
 Ngày: 07-08-2019
CÔNG CHỨNG VIỆN




Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nguyễn Văn Minh



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 300 Tờ bản đồ số: 24
Số phát hành GCN: BR 700658 Số vào sổ cấp GCN: CT 01213

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị; Địa chỉ: 51 - Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; theo hồ sơ số: 001056.TC.052./.</p> | <p>Ngày 26/6/2017 GIÁM ĐỐC </p> |
| <p>Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 26/6/2017 theo hồ sơ số 000857.XC.141./.</p> | <p>Võ Văn Nam Ngày 16/11/2017 GIÁM ĐỐC </p> |
| <p>Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị, Địa chỉ: Số 236 - Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; theo hồ sơ số 000857.TC.142./.</p> | <p>Ngày 16/11/2017 GIÁM ĐỐC </p> |

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00003

Cấp ngày 21 tháng 07 năm 2015

1. Tên địa điểm kinh doanh:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TÂM -
KHÁCH SẠN GOLDEN

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

295-297 Lê Duẩn, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0533 798 999

Fax: 0533 798 999

Email: tamtamqt11@gmail.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: ĐẶNG THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 22/12/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 197008624

Ngày cấp: 01/06/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 Tôn Thất Thuyết, Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 24 Tôn Thất Thuyết, Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TÂM

Mã số doanh nghiệp: 3200271348

Địa chỉ trụ sở chính: Số 24 Tôn Thất Thuyết, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam



Lê Văn Vinh

**GIẤY CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3200271348

Dăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 12 năm 2007

Dăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 08 tháng 11 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TÂM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 24 Tôn Thất Thuyết, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0533851074

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 7.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bảy tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị trong đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSNN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1 | ĐẶNG THỊ LAN | Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam | 5.600.000.000 | 80,000 | 197008624 | |
| 2 | VÕ THỊ THU HOÀI | Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam | 1.400.000.000 | 20,000 | 1973-12971 | |

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: DẶNG THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 197008624

Ngày cấp: 01/06/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 24 Tôn Thất Thuyết, Khu phố 6, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18-11-2021

Số chứng thực... 1713... quyền số 01.../SCT/89
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ BÍCH
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Hồng Mùng



Lê Thị Chương

Số: 178/QĐ-TCDL

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 23/2014/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Du lịch trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ tiêu chuẩn xếp hạng khách sạn: TCVN 4391:2015;
Căn cứ kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định Tổng cục Du lịch;
Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khách sạn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Khách sạn Golden

Địa chỉ: 295 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Đạt tiêu chuẩn: 3 sao, trong thời hạn ba năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Giám đốc Khách sạn phải treo biển thể hiện chất lượng được công nhận theo mẫu quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khách sạn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc Khách sạn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ KS, CBTK

TỔNG CỤC TRƯỞNG SINH
Chứng nhận bản sao đúng với bản chính
Số: 597. Ngày 09 tháng 11 năm 2016

Công chứng viên



Nguyễn Văn Tuấn

Cao Đình Nam

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ XÁC NHẬN

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tâm Tâm đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng cấp khách sạn Golden”, 295 đường Lê Duẩn, thành phố Đông Hà vào ngày 10/9/2019.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tâm Tâm có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động, thực hiện biện pháp khắc phục và báo ngay cho UBND phường Đông Lễ hoặc cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong việc kiểm tra, thanh tra.

Lập và đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án trong các trường hợp:

- Thay đổi địa điểm;
- Không triển khai thực hiện trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.

Trường hợp dự án có thay đổi tính chất hoặc quy mô đến mức thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì chủ dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thời hạn hoàn thành (có các hạng mục quản lý môi trường kèm theo).

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); nước thải áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Các chỉ tiêu giám sát gồm pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, Coliform, dầu. Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống thoát nước chung thành phố về nhà máy xử

lý nước thải tập trung; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị;
- Công ty TNHH TMDV Tâm Tâm;
- CT, PCT UBND thành phố;
- CVP, PVP, CVVP;
- UBND phường Đông Lễ;
- Lưu: VT, PTNMT. *Uht*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Nghiệm
Phạm Văn Nghiệm